

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2022

Vv: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Nguyễn Sỹ Quân
Ông Bùi Văn Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2022 tháng năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tô Anh T; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: khối 6A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Hiện đang lao động tại BaLan) (Xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Trần Thị S; Địa chỉ: khối 6A, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn anh Tô Anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Tô Anh T và chị Trần Thị S đăng ký kết hôn ngày 11/3/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm. Sau đó anh Tuấn đi lao động nước ngoài, vì xa cách tình cảm vợ chồng phai nhạt, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra một số mâu thuẫn. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên anh Tô Anh T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị S.

Bị đơn chị Trần Thị S thống nhất về thời điểm kết hôn. Sau khi anh Tuấn đi nước ngoài, vì xa cách nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn nhưng chị cho rằng những mâu thuẫn đó không đến mức phải ly hôn, vì con và vì chị đang còn tình cảm với anh Tuấn nên chị không muốn ly hôn.

-Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất có một con chung tên là Tô Nguyên Anh, sinh ngày 20/08/2011, hiện con đang ở cùng chị Sen và theo thỏa thuận của vợ chồng cháu Tô Nguyên Anh sẽ được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện anh Tô Anh T yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành. Bị đơn chị Trần Thị S yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Nguyên đơn anh Tô Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị S khai rằng quá trình sinh sống chị Sen có vay ngoài hơn 100.000.000 đồng, việc vay nợ này chị Sen chỉ vay bằng miệng và không có giấy tờ chứng minh, tuy nhiên chị cho rằng các khoản vay này anh Tuấn đều biết vì đều phục vụ sinh hoạt gia đình và trả nợ ngân hàng. Chị Sen yêu cầu tòa án giải quyết đối với khoản vay này.

Ngoài ra, anh Tô Anh T yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận các tài liệu, chứng cứ cho chị Tô Thị Nguyệt, địa chỉ: TDP 2, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình làm việc chị Tô Thị Nguyệt có đơn đồng ý chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu của anh Tuấn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc đã đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; **Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;** Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tô Anh T. Xử cho anh Tô Anh T được ly hôn với chị Trần Thị S. Về con chung: Giao con chung là Tô Nguyên Anh, sinh năm 2011 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, **anh Tuấn phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng tiền nuôi con chung. Về nợ chung, tài sản chung: Bác yêu cầu của chị Trần Thị S.**

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Tô Anh T đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 02/5/2019 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên anh Tuấn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho chị Tô Thị Sen. Phiên tòa mở lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị Trần Thị S vẫn tiếp tục vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Tô Anh T, chị Trần Thị S theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Tô Anh T và chị Trần Thị S đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được 05 năm. **Vợ chồng sống xa nhau, không quan tâm đến nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Anh Tô Anh T xét thấy không còn tình cảm với chị Trần Thị S và mong muốn được ly hôn.** Tuy nhiên chị Sen cho rằng bản thân vẫn còn tình cảm đối với anh Tuấn nên chị không muốn ly hôn.

HĐXX thấy rằng, tình cảm là tự nguyện, không thể gò bó, ép buộc. Rõ ràng, quan hệ vợ chồng giữa anh Tuấn và chị Sen đã trầm trọng. Bản thân anh Tuấn khẳng định không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với chị Sen, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xảy ra một số mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của anh Tuấn và chị Sen không đạt được mục đích đó, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định . **“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”, như vậy anh Tuấn có quyền được yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Sen.**

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Tô Nguyên Anh, sinh ngày 20/8/2011, anh Tô Anh T và chị Trần Thị S đều thống nhất giao con chung cho chị Sen chăm sóc nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Nên cần sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung cho chị Sen

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện hoàn cảnh mỗi bên.

Về mức cấp dưỡng: Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*

Anh Tuấn yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật; chị Sen yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng. Như vậy, trong trường hợp này anh Tuấn và chị Sen không thỏa thuận được mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý. HĐXX xét thấy: Cháu Tô Nguyên Anh hiện đang học lớp 5 tại thị trấn N, huyện C. Căn cứ mặt bằng chung tại địa bàn thị trấn N, huyện C thì yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị Sen là quá cao. Mặt khác, điều kiện thực tế của anh Tuấn - lao động tự do ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn, thu nhập không ổn định, bản thân anh Tuấn còn có mẹ già và phải trang trải cuộc sống nên mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000đ/ con chung là hợp lý.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị S trình bày: Chị Sen có trực tiếp vay của người khác hơn 100.000.000 đồng để phục vụ sinh hoạt gia đình và trả nợ ngân hàng, việc vay nợ này anh Tuấn đều biết. Tuy nhiên, chị Sen không xuất trình được chứng cứ, tài liệu chứng minh khoản vay nợ này cũng như không nêu được cụ thể số tiền chị Sen đã vay nợ và họ tên, địa chỉ người cho chị vay nợ. Mặt khác, tại buổi làm việc ngày 14/3/2022, Tòa án đã tiến hành cho hai bên trao đổi qua cuộc gọi bằng hình ảnh, anh Tuấn không thừa nhận các khoản nợ này. Vì vậy, HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Sen.

[3] Về án phí ly hôn: Buộc anh Tô Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 273, 469, 479, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tô Anh T được ly hôn chị Trần Thị S

2. Về con chung: Xử giao con chung là Tô Nguyên Anh, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Tô Anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Tô Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Bác yêu cầu của chị Trần Thị S.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc anh Tô Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000097 Ngày 20/01/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N, huyện C;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hải

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hồng Phạm Thành

Nguyễn Thị Bích Đào